

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 10 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 562/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ hội sở: Số 2 đường L, phường T, quận B, Thành phố H.

Địa chỉ liên lạc: Số 44 Tỉnh lộ 8, khu phố 2, thị trấn C, huyện C, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K, sinh năm: 1959. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn A, sinh năm: 1978. Chức vụ: Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng N.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Số 12A, đường số 365, tổ 11, ấp M, xã T, huyện C, Thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị Phương T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N (có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Tấn A) số tiền nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-201801715 ngày 19/4/2018 là 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng)

và tiền lãi tính đến ngày 18/10/2019 là 48.219đ (Bốn mươi tám ngàn hai trăm mười chín đồng).

Phương án trả tiền cụ thể như sau: Mỗi tháng bà T trả cho Ngân hàng N 3.000.000đ (Ba triệu đồng), đến từng định kỳ thanh toán ghi trong hợp đồng, bà T phải trả đủ nợ gốc và lãi.

Trường hợp bà T vi phạm bất kỳ định kỳ thanh toán nào thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu bà T thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi còn lại.

2.2. Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ ngày 19/10/2019 cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ nêu trên cho Ngân hàng N trên số nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 6120-LAV-201801715 ngày 19/4/2018 đã ký giữa các bên.

2.3. Ngay sau khi bà Nguyễn Thị Phương T thanh toán hết tiền nợ cho Ngân hàng N thì Ngân hàng N có trách nhiệm trả lại cho bà T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC819908, sổ vào sổ cấp giấy CS 05631, ngày 12/4/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho bà T.

2.4. Nếu bà Nguyễn Thị Phương T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án, cụ thể là quyền sử dụng đất có diện tích 258,2m², thuộc thửa đất số 13, tờ bản đồ số 75 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC819908, sổ vào sổ cấp giấy CS 05631, ngày 12/4/2016 do Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố H cấp cho bà T.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí sơ thẩm là 2.001.205đ (Hai triệu không trăm lẻ một ngàn hai trăm lẻ năm đồng), do gia đình bà Nguyễn Thị Phương T thuộc diện hộ cận nghèo có mã số hộ: 27532040250HCN nên bà T được miễn án phí.

- Hoàn lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí là 2.723.631đ (Hai triệu bảy trăm hai mươi ba ngàn sáu trăm ba mươi một đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0022748 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện C, Thành phố H.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ vụ án.